

Số: **44** /QĐ-GDDT

Bình Thạnh, ngày **04** tháng **6** năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
Công nhận giáo viên dạy Giỏi cấp Quận
năm học 2020 - 2021

TRƯỞNG PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUẬN BÌNH THẠNH

Căn cứ Quyết định số 5849/2008/QĐ-UBND ngày 8/8/2008 của Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh về việc thành lập Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Bình Thạnh và Quyết định số 03/QĐ-UBND ngày 23/3/2018 của Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh về ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Bình Thạnh;

Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BGDĐT ngày 20 tháng 12 năm 2019 về Ban hành quy định về Hội thi giáo viên dạy giỏi cơ sở giáo dục mầm non; giáo viên dạy giỏi, giáo viên chủ nhiệm lớp giỏi cơ sở giáo dục phổ thông;

Căn cứ phương hướng, nhiệm vụ năm học 2020 - 2021 của Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Bình Thạnh;

Căn cứ kết quả Hội thi giáo viên dạy giỏi Chu Văn An lần thứ XVI năm học 2020 - 2021;

Căn cứ kết quả Kiểm tra đánh giá Giáo viên dạy Giỏi cấp Quận năm học 2020 - 2021;

Theo đề nghị của Tổ trưởng tổ Mầm non và Tổ Phổ thông Phòng Giáo dục và Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận 252 giáo viên (95 giáo viên Mầm non, 97 giáo viên Tiểu học và 60 giáo viên Trung học cơ sở đạt danh hiệu Giáo viên dạy Giỏi cấp Quận năm học 2020 - 2021 (danh sách đính kèm).

Điều 2. Tổ trưởng các tổ chuyên môn thuộc Phòng Giáo dục và Đào tạo, Hiệu trưởng các trường Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở có liên quan và các ông, bà có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Lưu: VT, tổ PT.



TRƯỞNG PHÒNG

Trần Anh Kiệt

UBND QUẬN BÌNH THẠNH
PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



DANH SÁCH

Công nhận giáo viên dạy Giỏi cấp Quận

(đính kèm Quyết định số: **44** /QĐ-GDDT ngày **04** tháng **6** năm 2021 của Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Bình Thạnh)

1Bậc Mầm non

STT	HỌ VÀ TÊN GIÁO VIÊN	NĂM SINH	TRƯỜNG
1.	Bà LÊ THỊ LINH	1984	Mầm non 1
2.	Bà TRẦN THỊ KIM PHƯỢNG	1981	Mầm non 1
3.	Bà HỒ THUY KIM PHƯỢNG	1975	Mầm non 1
4.	Bà NGUYỄN THUY HỒNG BÍCH VÂN	1982	Mầm non 2
5.	Bà VÕ NGỌC BÍCH TRÂM	1979	Mầm non 2
6.	Bà QUÁCH THỊ BẦY	1989	Mầm non 3
7.	Bà NGUYỄN THỊ THANH THÚY	1986	Mầm non 3
8.	Bà TRẦN THỊ THANH BÌNH	1982	Mầm non 3
9.	Bà LÊ THỊ THANH HỒNG	1985	Mầm non 3
10.	Bà BUI THỊ BÍCH TRÂM	1991	Mầm non 5
11.	Bà NGUYỄN HOÀNG BẢO VI	1987	Mầm non 5
12.	Bà HOÀNG THUY CẨM TÚ	1988	Mầm non 5
13.	Bà LÊ THỊ ÁNH NGA	1977	Mầm non 6
14.	Bà TRẦN THỊ NGỌC TRÂM	1978	Mầm non 6
15.	Bà LÊ THỊ TRÀ GIANG	1987	Mầm non 7A
16.	Bà CHU NGỌC LAN	1982	Mầm non 7A
17./	Bà VÕ DUY HOÀNG YẾN	1981	Mầm non 7A
18.	Bà NGUYỄN THỊ MINH HIẾU	1983	Mầm non 7A
19.	Bà NGUYỄN HỒNG NHUNG	1988	Mầm non 7A
20.	Bà PHAN PHỤNG TIÊN	1989	Mầm non 7A
21.	Bà VÕ HOÀNG THÚY AN	1988	Mầm non 7B
22.	Bà LÊ PHẠM THÙY LINH	1972	Mầm non 7B
23.	Bà DƯƠNG THỊ DIÊN	1983	Mầm non 11A
24.	Bà LÊ TUYẾT DUNG	1981	Mầm non 11A
25.	Bà PHẠM THỊ TRÚC PHƯƠNG	1980	Mầm non 11A
26.	Bà HUỲNH NHƯ	1988	Mầm non 11A
27.	Bà TRƯƠNG THỊ BÍCH HUỆ	1979	Mầm non 11B
28.	Bà HUỲNH THỊ THU TRÂM	1988	Mầm non 11B
29.	Bà BUI THỊ HOÀNG	1979	Mầm non 11B
30.	Bà THÂN THỊ NGHĨA	1978	Mầm non 11B
31.	Bà DƯƠNG THỊ THU TRANG	1980	Mầm non 11B
32.	Bà NGUYỄN THỊ NGỌC CHI	1983	Mầm non 12
33.	Bà PHẠM THỊ HIỀN	1984	Mầm non 12
34.	Bà HUỲNH THỊ TÚ PHƯỢNG	1980	Mầm non 12

35.	Bà VŨ THỊ NGỌC DIỄM	1979	Mầm non 13
36.	Bà TRƯƠNG MỘNG VŨ LINH	1987	Mầm non 13
37.	Bà NGUYỄN THỊ NHUNG	1990	Mầm non 13
38.	Bà BUI THỊ TRANG	1991	Mầm non 13
39.	Bà NGUYỄN THỊ THU HÀ	1986	Mầm non 13
40.	Bà HUỲNH THỊ HẾT	1975	Mầm non 13
41.	Bà ĐẶNG HỒNG MỸ LIÊN	1975	Mầm non 13
42.	Bà LÊ NGỌC QUỲNH NHƯ	1989	Mầm non 13
43.	Bà NGUYỄN THỊ PHÚ QUÝ	1976	Mầm non 13
44.	Bà NGUYỄN THỊ THU THỦY	1977	Mầm non 13
45.	Bà ĐẶNG HỒNG ĐÀO	1990	Mầm non 14
46.	Bà HOÀNG THỊ VƯỢT	1988	Mầm non 14
47.	Bà NGUYỄN BUI KHÁNH VY	1986	Mầm non 14
48.	Bà ĐÀO THỊ SÁNG	1985	Mầm non 15
49.	Bà TRẦN THỊ NGỌC THẢO	1987	Mầm non 15
50.	Bà ĐOÀN THỊ DUNG	1989	Mầm non 15B
51.	Bà NGUYỄN THANH HƯỜNG	1976	Mầm non 15B
52.	Bà ĐẶNG THỊ THÚY LAN	1987	Mầm Non 15B
53.	Bà HOÀNG LÊ HỒNG LOAN	1979	Mầm non 15B
54.	Bà TRẦN THUY THUỶ TIÊN	1989	Mầm non 15B
55.	Bà NGÔ THỊ QUỲNH MAI	1979	Mầm non 17
56.	Bà NGUYỄN THỊ PHƯƠNG TRANG	1991	Mầm non 17
57.	Bà TRẦN DIỄM CHÂU	1986	Mầm non 19
58.	Bà NGUYỄN THỊ NGỌC HOA	1980	Mầm non 19
59.	Bà NGUYỄN THANH TUYỀN	1991	Mầm non 19
60.	Bà NGUYỄN THỊ THU THỦY	1980	Mầm non 19
61.	Bà HUỲNH THỊ THANH THÚY	1986	Mầm non 19
62.	Bà NGUYỄN THỊ THÚY HẰNG	1986	Mầm non 21
63.	Bà LÊ THỊ MINH HIẾU	1985	Mầm non 22
64.	Bà HUỲNH THỊ MAI TRÚC	1987	Mầm non 22
65.	Bà MAI THỊ NGỌC HOÀI	1990	Mầm non 22
66.	Bà NGUYỄN THỊ THỦY	1971	Mầm non 22
67.	Bà CHÂU PHI	1992	Mầm non 24A
68.	Bà NGUYỄN THỊ DUY PHƯƠNG	1986	Mầm non 24A
69.	Bà LÊ NGUYỄN THÙY TRÂM	1985	Mầm non 24A
70.	Bà VŨ PHAN ÁNH VY	1982	Mầm non 24A
71.	Bà NGUYỄN THỊ THÚY HẬU	1981	Mầm non 24A
72.	Bà NGUYỄN THỊ THANH THẢO	1980	Mầm non 24A
73.	Bà CAO THỊ LƯƠNG DUNG	1986	Mầm non 24B
74.	Bà NGUYỄN NGỌC THẢO TRINH	1995	Mầm non 24B
75.	Bà NGUYỄN THỊ THANH HUYỀN	1977	Mầm non 24b
76.	Bà NGUYỄN THỊ NGỌC NHUNG	1991	Mầm non 25A
77.	Bà LƯU KIM PHƯỢNG	1985	Mầm non 25A

78.	Bà NGUYỄN THÁI UYÊN TRÂM	1981	Mầm non 25A
79.	Bà CHUNG KIM HẠNH	1979	Mầm non 25B
80.	Bà NGUYỄN LƯU THANH HIỀN	1987	Mầm non 25B
81.	Bà ĐOÀN THỊ PHƯƠNG	1974	Mầm non 25B
82.	Bà NGUYỄN THỊ KHUYÊN	1993	Mầm non 25B
83.	Bà NGUYỄN THỊ THÙY NGÂN	1989	Mầm non 25B
84.	Bà NGUYỄN THỊ HỒNG THẨM	1988	Mầm non 25B
85.	Bà NGUYỄN THỊ NGỌC HỒNG	1984	Mầm non 27
86.	Bà PHẠM THỊ THÙY HƯƠNG	1977	Mầm non 27
87.	Bà ĐẬU THỊ HẢI LÝ	1989	Mầm non 27
88.	Bà VÕ THỊ MINH	1973	Mầm non 27
89.	Bà NGUYỄN THỊ THƯƠNG	1985	Mầm non 27
90.	Bà TRẦN THỊ DIỄM THY	1986	Mầm non 27
91.	Bà NGUYỄN THỊ PHƯƠNG TRANG	1975	Mầm non 27
92.	Bà VŨ THỊ THANH HOA	1984	Mầm non 27
93.	Bà NGUYỄN VI HƯỜNG	1987	Mầm non 27
94.	Bà NGUYỄN THỊ HỒNG OANH	1974	Mầm non 27
95.	Bà NGUYỄN THỊ YẾN	1985	Mầm non 27

2. Cấp Tiểu học

STT	HỌ VÀ TÊN GIÁO VIÊN	NĂM SINH	TRƯỜNG
1.	Bà NGUYỄN MAI ANH	1987	TH Bạch Đằng
2.	Bà NGUYỄN THỊ PHƯƠNG ÁNH	1991	TH Bạch Đằng
3.	Bà NGUYỄN THÙY LINH	1982	TH Bạch Đằng
4.	Bà PHAN THỊ TUYẾT NGỌC	1991	TH Bạch Đằng
5.	Bà TRẦN THỊ THU NGÂN	1980	TH Bé Văn Đàn
6.	Bà TRẦN PHAN NGỌC QUỲNH	1980	TH Bé Văn Đàn
7.	Bà BÙI THỊ THÚY NI	1989	TH Bé Văn Đàn
8.	Bà HUỲNH TUYẾT VY	1994	TH Bé Văn Đàn
9.	Bà HOÀNG HẢI YẾN	1978	TH Bé Văn Đàn
10.	Bà NGUYỄN NGỌC HỒNG QUYÊN	1974	TH Bình Hòa
11.	Bà ĐOÀN NGỌC BẢO CHÂU	1976	TH Bình Hòa
12.	Bà TRẦN HỒNG LOAN	1979	TH Bình Hòa
13.	Bà NGUYỄN THỊ ANH	1988	TH Bình Lợi Trung
14.	Bà NGUYỄN THỊ KIM NGÂN	1992	TH Bình Quới Tây
15.	Bà HOÀNG THỊ KIM YẾN	1982	TH Bình Quới Tây
16.	Bà HUỲNH THỊ THU HỒNG	1982	TH Bình Quới Tây
17.	Bà LÊ THỊ NGÀ	1982	TH Bình Quới Tây
18.	Bà NGUYỄN THỊ NGUYỆT	1983	TH Bình Quới Tây
19.	Bà PHẠM THỊ HỒNG NHUNG	1983	TH Bình Quới Tây
20.	Bà NGUYỄN THỊ QUỲNH NHƯ	1987	TH Bình Quới Tây
21.	Bà NGUYỄN TRẦN CHÂU	1993	TH Chu Văn An
22.	Bà HUỲNH THỊ PHÚC LIÊN	1973	TH Chu Văn An

23.	Bà TRẦN THỊ THANH TUYỀN	1988	TH Chu Văn An
24.	Bà HUỖNH HỒ THU THỦY	1981	TH Chu Văn An
25.	Bà BÙI THỊ KIỀU TRANG	1992	TH Cửu Long
26.	Bà LƯU THỊ NGỌC HÀ	1979	TH Đồng Đa
27.	Bà LÊ THỊ HỒNG LOAN	1987	TH Đồng Đa
28.	Bà LÊ THỊ NA	1977	TH Đồng Đa
29.	Bà NGUYỄN THỊ CUNG	1977	TH Đồng Đa
30.	Bà VŨ THỊ NGÂN HÀ	1990	TH Đồng Đa
31.	Bà PHẠM THỊ HUẾ	1976	TH Đồng Đa
32.	Bà VÕ THỊ MINH PHỤNG	1979	TH Đồng Đa
33.	Bà VÕ HOÀI THU	1995	TH Hà Huy Tập
34.	Bà NGUYỄN THỊ HỒNG VÂN	1993	TH Hà Huy Tập
35.	Bà LƯU THỊ XUÂN HƯƠNG	1986	TH Hà Huy Tập
36.	Bà TRẦN THỊ THANH TUYỀN	1992	TH Hà Huy Tập
37.	Bà ĐÀO THỊ THÚY	1986	TH Hà Huy Tập
38.	Bà ĐỖ THỊ PHƯƠNG CHI	1980	TH Hồng Hà
39.	Bà PHẠM THỊ NGỌC MINH	1989	TH Hồng Hà
40.	Bà TRƯƠNG THIÊN THANH	1995	TH Hồng Hà
41.	Bà NGUYỄN KIM PHI YẾN	1994	TH Hồng Hà
42.	Bà TRẦN DƯƠNG THÙY TRANG	1989	TH Hồng Hà
43.	Bà NGUYỄN THỊ NỞ	1980	TH Hồng Hà
44.	Bà PHAN KIM HÀ	1990	TH Hồng Hà
45.	Bà ĐẶNG HUỖNH CẨM TÚ	1993	TH Hồng Hà
46.	Bà BÙI THỊ THANH PHƯƠNG	1981	TH Hồng Hà
47.	Bà DƯƠNG THỊ BÍCH PHƯỢNG	1981	TH Hồng Hà
48.	Bà LẠI THỊ HOÀNG YẾN	1994	TH Hồng Hà
49.	Bà TRẦN HUỖNH VĨNH AN	1977	TH Lam Sơn
50.	Bà NGÔ THỊ PHƯƠNG THỤY	1977	TH Lam Sơn
51.	Bà TRƯƠNG NGỌC KHÁNH VY	1995	TH Lam Sơn
52.	Bà NGUYỄN THỊ PHƯỚC YẾN	1983	TH Lam Sơn
53.	Bà NGUYỄN THỊ MAI ANH	1984	TH Lam Sơn
54.	Bà NGUYỄN THỊ ÁNH NGỌC	1981	TH Lam Sơn
55.	Bà TRẦN THỊ NGỌC MAI	1993	TH Lam Sơn
56.	Bà NGUYỄN THỤY BÍCH TRÂM	1989	TH Lam Sơn
57.	Bà ĐỖ THỊ THÁI AN	1979	TH Lê Đình Chinh
58.	Bà TĂNG THỊ NGỌC ÁNH	1995	TH Lê Đình Chinh
59.	Bà PHAN THỊ THUỶ TRANG	1994	TH Lê Đình Chinh
60.	Bà DƯƠNG THỊ PHƯƠNG TRÚC	1995	TH Lê Đình Chinh
61.	Bà NGUYỄN THỊ HUYỀN CHÂU	1979	TH Nguyễn Bá Ngọc
62.	Ông NGUYỄN HOÀI NAM	1980	TH Nguyễn Bá Ngọc
63.	Bà NGUYỄN THỊ ĐAN THỤY	1975	TH Nguyễn Bá Ngọc
64.	Bà NGUYỄN ĐÔNG KHÁNH DUYÊN	1988	TH Nguyễn Bá Ngọc
65.	Bà TÓNG THỊ TÚ UYÊN	1989	TH Nguyễn Bá Ngọc

66.	Bà PHÙNG THỊ BÍCH HIỀN	1970	TH Nguyễn Đình Chiểu
67.	Bà NGUYỄN THỊ MINH HÒA	1975	TH Nguyễn Đình Chiểu
68.	Bà ĐỖ THỊ THU	1995	TH Nguyễn Đình Chiểu
69.	Bà NGUYỄN THỊ NGỌC TRANG	1983	TH Nguyễn Đình Chiểu
70.	Bà TRẦN THỊ PHƯƠNG TRANG	1985	TH Nguyễn Đình Chiểu
71.	Bà HUỲNH THÚY VÂN	1995	TH Nguyễn Đình Chiểu
72.	Bà TRẦN PHẠM BÍCH VÂN	1993	TH Nguyễn Đình Chiểu
73.	Bà NGUYỄN THỊ THANH XUÂN	1979	TH Nguyễn Đình Chiểu
74.	Bà TĂNG CẨM XUYẾN	1987	TH Nguyễn Đình Chiểu
75.	Bà HOÀNG VŨ ANH THU	1984	TH Nguyễn Trọng Tuyển
76.	Bà NGUYỄN THỊ ANH THU	1985	TH Nguyễn Trọng Tuyển
77.	Bà HUỲNH NGỌC YẾN OANH	1975	TH Phan Văn Trị
78.	Bà NGUYỄN THỊ DIỆU PHƯƠNG	1990	TH Phan Văn Trị
79.	Bà NGUYỄN VŨ THUY VÂN	1972	TH Phan Văn Trị
80.	Bà NGUYỄN THỊ NGỌC MINH	1981	TH Phù Đổng
81.	Bà NGUYỄN THỊ NGỌC GIÀU	1993	TH Phù Đổng
82.	Bà HỒ THỊ NHÀN	1984	TH Phù Đổng
83.	Bà MAI QUỲNH PHƯƠNG TIÊN	1993	TH Phù Đổng
84.	Bà NGUYỄN XUÂN UYÊN VY	1983	TH Phù Đổng
85.	Bà TRẦN THỊ HOÀI TRÂM	1989	TH Tầm Vu
86.	Bà TRƯỞNG THỊ MAI	1981	TH Thanh Đa
87.	Bà PHẠM THỊ PHƯƠNG THẢO	1992	TH Thanh Đa
88.	Bà TẠ NGỌC ÁNH LYNH	1995	TH Tô Vĩnh Diện
89.	Bà DƯƠNG TRẦN THANH MAI	1993	TH Tô Vĩnh Diện
90.	Bà HUỲNH THỊ NGỌC NHUNG	1994	TH Tô Vĩnh Diện
91.	Ông NGUYỄN THANH TRƯỜNG	1988	TH Tô Vĩnh Diện
92.	Ông TRẦN VĂN TẤN LỘC	1988	TH Tô Vĩnh Diện
93.	Bà LÊ ĐẶNG HẢI YẾN	1985	TH Tô Vĩnh Diện
94.	Bà PHAN THANH THẢO	1975	TH Trần Quang Vinh
95.	Ông VÕ VIỆT NAM	1971	TH Trần Quang Vinh
96.	Bà VÕ THỊ NHUNG	1980	TH Yên Thế
97.	Bà NGUYỄN THỊ ÁNH LIÊM	1992	TH, THCS & THPT Anh Quốc

3. Cấp Trung học cơ sở

STT	HỌ VÀ TÊN	NĂM SINH	MÔN	TRƯỜNG
1.	Bà HUỲNH THỊ KIM TUYẾN	1988	Ngữ văn	THCS Bình Lợi Trung
2.	Bà HOÀNG THỊ THANH	1982	Toán	THCS Bình Lợi Trung
3.	Ông NGUYỄN QUỐC VIỆT	1992	Sinh học	THCS Bình Lợi Trung
4.	Bà LÂM THỊ NGUYỆT NGÀ	1978	Thể dục	THCS Bình Lợi Trung
5.	Bà ĐỖ THỊ BÔNG	1984	Sinh học	THCS Bình Quới Tây
6.	Bà TRẦN THỊ KIM OANH	1985	Ngữ Văn	THCS Bình Quới Tây
7.	Bà NGUYỄN THỊ HƯỜNG	1990	Địa Lý	THCS Cù Chính Lan

STT	HỌ VÀ TÊN	NĂM SINH	MÔN	TRƯỜNG
8.	Bà PHAN THỊ THANH TÂM	1983	Ngữ văn	THCS Cù Chính Lan
9.	Bà BÙI THỊ KIM PHI	1985	Hóa Học	THCS Cửu Long
10.	Bà LÊ THỊ HỒNG SÂM	1986	Ngữ văn	THCS Cửu Long
11.	Bà TRẦN THỊ HUỆ	1976	Công nghệ	THCS Cửu Long
12.	Bà LƯU THỊ LAN	1986	Lịch sử	THCS Cửu Long
13.	Bà TRẦN THỊ HIẾU HIỀN	1990	Toán	THCS Điện Biên
14.	Ông NGUYỄN HỌC	1985	Thể dục	THCS Điện Biên
15.	Ông NGUYỄN ANH HUY	1993	Tiếng Anh	THCS Điện Biên
16.	Bà LÊ THỊ HUYỀN	1985	Lịch sử	THCS Điện Biên
17.	Bà ĐINH THỊ LUẬN	1987	Ngữ văn	THCS Điện Biên
18.	Bà NGUYỄN THỊ THÚY VÂN	1982	Tin học	THCS Điện Biên
19.	Bà NGUYỄN THỊ KIM LAN	1987	Toán	THCS Điện Biên
20.	Bà LƯƠNG THỊ ĐIỆP	1982	Lịch sử	THCS Đồng Đa
21.	Bà NGUYỄN THỊ THU HÀ	1967	Ngữ Văn	THCS Đồng Đa
22.	Bà HÀ THỊ KIM PHƯỢNG	1987	Lịch sử	THCS Đồng Đa
23.	Bà NGUYỄN THỊ ĐIỆP	1986	Lịch sử	THCS Hà Huy Tập
24.	Bà NGUYỄN THỊ HUYỀN	1983	Ngữ Văn	THCS Hà Huy Tập
25.	Bà PHAN THỊ BÍCH NGỌC	1988	Vật Lý	THCS Hà Huy Tập
26.	Bà VƯƠNG NGHI HẠNH NHI	1985	Địa Lý	THCS Hà Huy Tập
27.	Bà LÊ THỊ MỸ PHƯỢNG	1983	Hóa Học	THCS Hà Huy Tập
28.	Bà NGUYỄN TIẾN THUY	1983	Toán	THCS Hà Huy Tập
29.	Ông TRẦN ANH TÀI	1982	Tin Học	THCS Hà Huy Tập
30.	Bà BÙI THUY ANH THƯ	1990	Hóa Học	THCS Lam Sơn
31.	Bà ĐẶNG THỊ VÂN	1992	Sinh học	THCS Lam Sơn
32.	Bà TRẦN HOÀNG LAN CHI	1985	GDCD	THCS Lam Sơn
33.	Bà TRẦN THỊ HIỀN	1983	Ngữ văn	THCS Lam Sơn
34.	Ông LÊ CÔNG HÙNG	1985	Sinh học	THCS Lam Sơn
35.	Bà TRẦN THỊ UYÊN THI	1983	Âm nhạc	THCS Lam Sơn
36.	Ông HỒ BẢO DUY	1992	Ngữ Văn	THCS Lê Văn Tám
37.	Bà TRẦN THỊ HUYỀN	1977	Địa Lý	THCS Lê Văn Tám
38.	Bà VÕ NGỌC QUỲNH	1993	Tiếng Anh	THCS Lê Văn Tám
39.	Bà ĐOÀN THỊ VÂN	1990	Địa Lý	THCS Lê Văn Tám
40.	Ông LÊ TRÍ ĐẠT	1984	Toán	THCS Nguyễn Văn Bé
41.	Bà GIANG THỊ THU HÀ	1994	Hóa Học	THCS Nguyễn Văn Bé
42.	Bà VŨ THỊ THANH HƯƠNG	1988	Sinh học	THCS Nguyễn Văn Bé
43.	Bà PHẠM VŨ PHƯƠNG NGÀ	1993	Sinh học	THCS Nguyễn Văn Bé
44.	Bà NGUYỄN ÁNH NGUYỆT	1979	Địa Lý	THCS Nguyễn Văn Bé
45.	Bà NGUYỄN THỊ QUỲNH NHƯ	1990	Ngữ văn	THCS Nguyễn Văn Bé
46.	Bà BÙI THỊ MINH HIẾU	1991	Địa Lý	THCS Phú Mỹ
47.	Bà DOÃN THỊ HUẾ	1991	Ngữ Văn	THCS Phú Mỹ
48.	Bà TRẦN THỊ KIM LIÊN	1985	Lịch sử	THCS Phú Mỹ
49.	Ông NGUYỄN MINH NGHI	1992	Toán	THCS Phú Mỹ
50.	Bà HOÀNG NGỌC ANH	1987	Vật Lý	THCS Rạng Đông

STT	HỌ VÀ TÊN	NĂM SINH	MÔN	TRƯỜNG
51.	Bà LÊ THỊ NHÃN	1991	Địa Lý	THCS Rạng Đông
52.	Bà NGUYỄN THỊ PHƯƠNG TRANG	1977	Địa Lý	THCS Rạng Đông
53.	Ông BUI QUỐC THỊNH	1984	Toán	THCS Rạng Đông
54.	Bà PHẠM HOÀNG THỤY ANH	1980	Toán	THCS Thanh Đa
55.	Bà NGUYỄN THỊ ANH ĐÀO	1986	GDCD	THCS Thanh Đa
56.	Ông NGUYỄN DUY HIỂN	1979	Ngữ Văn	THCS Trương Công Định
57.	Ông LÊ VĂN LINH	1979	Vật Lý	THCS Trương Công Định
58.	Bà MAI THỊ NHƯ HOA	1989	Công nghệ	THCS Yên Thế
59.	Ông PHÙNG ANH TÚ	1989	Thể Dục	THCS Yên Thế
60.	Bà HỒ THỊ KIM KHUYÊN	1986	Lịch sử	THCS Yên Thế

Danh sách này có **252** giáo viên (trong đó: **95** giáo viên Mầm non, **97** giáo viên Tiểu học và **60** giáo viên Trung học cơ sở đạt danh hiệu Giáo viên dạy Giỏi cấp Quận năm học 2020- 2021./.